

Bản án số: 17/2017/HNGĐ-PT

Ngày: 20 - 11 - 2017.

V/v “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Hoàng Anh**.

Các Thẩm phán: 1. Ông **Nguyễn Văn Dũ**.
2. Ông **Mai Thiện Kế**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Quốc Việt**, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng: Ông **Nguyễn Văn Sạch** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 20 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2017/TLPT-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2017, về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 47/2017/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 217/2017/QĐPT-HNGĐ, ngày 24 tháng 10 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **T**; địa chỉ: ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng. Tạm trú: ấp C2, xã B2, huyện A1, tỉnh Bình Dương. (có mặt)

2. Bị đơn: Ông **P**; địa chỉ: số 744, Quốc lộ 1, ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng. Tạm trú: ấp C1, xã B1, huyện A, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- Người kháng cáo: Bà T là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung vụ án như sau:

*** Nguyên đơn bà T trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông P kết hôn vào năm 2015, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã B, huyện A cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 17/6/2015. Thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc nhưng thời gian sau phát sinh nhiều mâu thuẫn. Đặc biệt là cuối tháng 11/2016 do bà có con nhỏ nên ra quán phụ bán với mẹ ông P trẻ, mẹ ông P đã đánh bà, còn ông P thì bệnh mẹ ruột của mình nên có những lời lẽ xúc phạm bà, dẫn đến ông bà mâu thuẫn không thể hòa đồng với nhau, tình cảm bị rạn nứt trầm trọng, không còn quý trọng, yêu thương nhau, chăm sóc cho nhau và tình trạng này không thể khắc phục được.

- Về con chung: giữa bà và ông P có một người con chung là cháu H, sinh ngày 22/11/2015.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

- Về nợ chung: Không có.

Nay bà T yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà yêu cầu được ly hôn với ông P.

- Về con chung: Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, sinh ngày 22/11/2015 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Bà không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, bà không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, bà không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

*** Bị đơn ông P trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Ông thống nhất với lời trình bày của bà T. Tuy nhiên về nguyên nhân mâu thuẫn thì vào cuối tháng 11/2016, do bà T ngủ dậy trễ nên mẹ ruột của ông có vào phòng nhắc nhở bà T, lúc đó bà T cãi nhau với mẹ ông, mẹ ông đã tát vào mặt bà T một cái, bà T cũng nhào đến để đánh mẹ ông, nhờ sự can ngăn của người thân trong gia đình nên giữa mẹ ông và bà T không xô xát nhau nữa. Sau đó, ông có khuyên bà T xin lỗi mẹ ông nhưng bà T không đồng ý. Đến đầu tháng 12/2016, bà T ẵm con chung là cháu H, sinh ngày 22/11/2015 lên Bình Dương sinh sống và làm việc. Đến ngày 28/01/2017, ông cùng với người thân đến nơi ở của bà T để khuyên bà T về nhưng bà T không đồng ý, lúc đó cha bà T có nói với ông sẽ khuyên bà T về sống chung với ông.

Đến ngày 14/02/2017, ông tiếp tục đến Bình Dương nơi bà T ở trọ để khuyên bà T về nhà thêm lần nữa nhưng bà T vẫn không đồng ý, ông có ở lại chỗ của bà T để khuyên bà T về ở lại nhưng bà T vẫn không đồng ý, đến ngày 22/02/2017 thì ông ẵm cháu H về sống tại địa chỉ ấp C1, xã B1, huyện A, tỉnh Sóc Trăng cho đến nay. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được nên bà T yêu cầu ly hôn thì ông cũng đồng ý.

- Về con chung: Giữa ông và bà T có một người con chung là cháu H, sinh ngày 22/11/2015. Trong trường hợp Tòa án giải quyết cho ông và bà T được ly hôn thì ông yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu H cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, vì hiện nay ông có việc làm ổn định, thu nhập mỗi tháng khoảng 30.000.000 đồng nên ông sẽ chăm lo cho cháu H tốt hơn bà T.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, ông không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, ông không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Sự việc được Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết. Tại bản án sơ thẩm số: 47/2017/HNGĐ-ST, ngày 29/8/2017 đã quyết định căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự ; Điều 39 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 56, khoản 2, 3 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. **Tuyên xử:**

- Về hôn nhân: Bà T được ly hôn với ông P.

- Về con chung: Giao cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, sinh ngày 22/11/2015 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi; Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không cấp dưỡng cho cháu H; Bà T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung tên H mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về tài sản chung: Bà T và ông P tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Bà T và ông P trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

* Ngày 13/9/2017, nguyên đơn bà T kháng cáo bản án sơ thẩm trên, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà về việc cho bà được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu H, sinh ngày 22/11/2015 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà T không rút lại đơn khởi kiện và vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo; Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

* Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích nội dung kháng cáo tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo, vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn bà T, áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo nội dung đơn kháng cáo thì nguyên đơn bà T chỉ yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giao con chung là cháu H, sinh ngày 22/11/2015 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Do đó, nội dung bản án sơ thẩm đã giải quyết đối với quan hệ hôn nhân, tài sản chung và nợ chung cũng như vấn đề cấp dưỡng nuôi con, các đương sự không có kháng cáo và Viện kiểm sát không có kháng nghị, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

*** Xét kháng cáo của nguyên đơn bà T thấy rằng:**

[2] Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đối chiếu với lời trình bày và thừa nhận giữa các bên đương sự đã thể hiện cháu H, sinh ngày 22/11/2015 là con chung của bà T và ông P. Từ nhỏ, cháu H đã sống cùng với bà T và ông P tại nhà của ông P. Sau khi giữa bà T và ông P phát sinh mâu thuẫn với nhau dẫn đến vợ chồng sống ly thân thì đến đầu tháng 12/2016, bà T dắt cháu H lên Bình Dương thuê nhà trọ sinh sống. Sau đó, ông P có tìm gặp bà T hai lần để khuyên bà T về sống chung với ông P để cùng chăm sóc cháu H nhưng bà T đều không đồng ý. Đến ngày 22/02/2017, ông P lên Bình Dương dắt cháu H về sống cùng với ông tại địa chỉ ấp C1, xã B1, huyện A, tỉnh Sóc Trăng cho đến nay. Hiện nay, cả bà T và ông P đều yêu cầu Tòa án giải quyết giao cháu H cho ông, bà trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu người kia cấp dưỡng nuôi con.

[3] Theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì “Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”. Như vậy, không phải mọi trường hợp khi giải quyết cho vợ chồng ly hôn thì Tòa án đều giải quyết giao con chung dưới 36 tháng tuổi cho người mẹ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; mà trong trường hợp người mẹ không đủ khả năng, điều kiện để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung

thì Tòa án vẫn có thể căn cứ vào quyền lợi và sự phát triển về mọi mặt của con chung để quyết định giao con chung cho người cha trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

[4] Xét thấy, việc giao cháu H cho ông P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục sẽ đảm bảo cho cháu có được đầy đủ hơn về mặt vật chất và tinh thần. Cụ thể:

Về vật chất, hiện nay cháu H đang sống cùng với ông P tại nhà riêng của ông P; còn bà T hiện đang làm công nhân phải ở nhà thuê không phải là nơi ở ổn định, cho nên nếu giao cháu H cho ông P thì các vấn đề về ăn, ở, sinh hoạt, điều kiện học tập... của cháu H sẽ được đảm bảo tốt hơn. Hơn nữa, bà T đang làm công nhân và hiện nay thu nhập hàng tháng chỉ khoảng từ 4.000.000đ đến 5.000.000đ, còn ông P là chủ của một quán ăn uống có thu nhập hàng tháng khoảng 30.000.000đ nên cháu H khi sống với ông P sẽ đầy đủ hơn về mặt vật chất.

Về tinh thần, từ nhỏ cháu H đã sống cùng với bà T và ông P tại nhà của ông P; bà T cũng thừa nhận từ ngày 22/02/2017 cho đến nay cháu H vẫn sống cùng với ông P tại nhà của ông P; chỉ có một khoảng thời gian ngắn từ đầu tháng 12/2016 đến ngày 22/02/2017 (gần 03 tháng) là cháu H sống với bà T tại Bình Dương. Như vậy, có thể xác định từ lúc mới sinh ra cho đến nay thì trong phần lớn thời gian cháu H được ông P cũng như ông bà nội trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục nên việc tiếp tục giao cháu H cho ông P nuôi dưỡng sẽ không làm xáo trộn về mặt tâm sinh lý của cháu H. Mặt khác, hiện nay công việc của bà T là làm công nhân nên phải đi làm mỗi ngày, không có thời gian để gần gũi với con, chính bà T cũng thừa nhận hiện nay bà làm công nhân nhưng mẹ bà làm trong nhà trẻ nên có thể giúp bà chăm sóc cháu H trong những lúc bà đi làm. Do vậy, việc giao cháu H cho bà T nuôi dưỡng sẽ không đảm bảo vì bà T không có thời gian để chăm sóc, dạy dỗ, giáo dục con, cũng như không đảm bảo cho cháu H được vui chơi, giải trí...

[5] Đối với các vấn đề bà T nêu ra trong đơn kháng cáo như: ông P kinh doanh quán nhậu là môi trường phức tạp, ông P thường xuyên tụ tập ăn nhậu, từ trước đến nay cháu H không do ông P trực tiếp nuôi dưỡng mà chủ yếu do cha mẹ ông P chăm sóc... nên nếu giao cháu H cho ông P nuôi dưỡng sẽ không đảm bảo cho sự phát triển lành mạnh của cháu H. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án cũng có tiến hành xác minh và xác định cho đến hiện nay cháu H dưới sự chăm sóc của ông P vẫn đang phát triển ổn định bình thường và bà T cũng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho các vấn đề này nên lời trình bày của bà T là không có căn cứ để chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, việc Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết giao cháu H cho ông P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử quyết định không chấp nhận đơn kháng cáo của bà T và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Do bản án sơ thẩm được giữ nguyên nên bà T phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

* Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận như những phân tích nêu trên.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 6 Điều 313 và khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn bà T.

2. Giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 47/2017/HNGĐ-ST, ngày 29 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Sóc Trăng như sau:

2.1. Về hôn nhân: Bà T được ly hôn với ông P.

2.2. Về con chung: Giao cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, sinh ngày 22/11/2015 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không cấp dưỡng cho cháu H.

Bà T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung tên H mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

2.3. Về tài sản chung: Bà T và ông P tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Bà T và ông P trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

2.4. Về án phí: Bà T phải chịu án phí ly hôn số tiền 300.000đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp 300.000đồng theo biên lai thu số 0007223 ngày 19/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Sóc Trăng. Bà T đã nộp xong án phí ly hôn.

3. Về án phí phúc thẩm: Nguyên đơn bà T phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0007887 ngày 13/9/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, bà T đã nộp xong án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa DS.

Đã ký

Võ Hoàng Anh